TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36 /2018/DS-ST
Ngày: 09/10/2018.
"V/v T/c Hợp đồng thuê khoán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D -TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Chí Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào
2. Ông Phạm Minh Quốc

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tiến- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 47/2018/TLST–DS ngày 09/3/2018 về việc " Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXX- ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Anh Trần Văn Đ; sinh năm: 1976. Địa chỉ: ấp Cần Giăng, xã Thanh An, Huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Bị đơn : Bà Trần Thị H; sinh năm 1959. Địa chỉ: Tổ 01, ấp A, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Hư; sinh năm: 1976; Địa chỉ: Tổ 01, ấp A, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Hữu L: Địa chỉ: Tổ 01, ấp A, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ kiện anh Trần Văn Đ trình bày:

Quan hệ giữa anh và bà H quen biết với nhau. Do bà H có sản xuất nông nghiệp trồng mè và thu hoạch mè (phóng mè) nên có hợp đồng miệng với anh để cày và phóng mè nhiều năm, những lần thuê cày đất và phóng mè xong thì bà H trả tiền cho anh nhưng không trả hết, đến ngày 10/5/2016 dương lịch thì bà H và anh có cộng sổ lại với nhau, bà H còn nợ tiền cày đất của anh số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng), có làm giấy nhận nợ hẹn ba tháng sẽ trả hết số tiền trên nhưng đến hạn bà H không trả. Nay anh yêu cầu bà H có trách nhiệm trả cho anh số tiền cày còn thiếu là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) và anh không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của anh Đ là đúng vì trong quá trình làm ăn giữa bà và anh Đ có hợp đồng cày đất và phóng mè (hợp đồng miệng), bà xác định giấy nợ ngày 10/5/2016 là do bà ký tên nhận nợ 190.000.000 đồng nhưng trong số tiền này bà thừa nhận thiếu anh Đ số tiền 91.500.000 đồng (chín mươi mốt triệu năm trăm đồng), chị Trần Thị Hư là em ruột của bà thiếu anh Đ 32.500.000 đồng, còn anh Nguyễn Hữu L là con ruột của bà thiếu anh Đ 66.000.000 đồng, lý do bà ký tổng số nợ trên là do bà là người đứng ra hợp đồng cày đất với anh Đ dùm chị Hư và anh L. Nay anh Đ yêu cầu bà trả số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) bà không đồng ý, bà xác định còn thiếu anh Đ số tiền cày 91.500.000 đồng (chín mươi mốt triệu năm trăm đồng) và đồng ý trả cho anh Đ, số tiền nợ còn lại là của anh L và chị Hư thiếu, nên anh Đ có trách nhiệm yêu cầu chị Hư và anh L trả.

Chị Trần Thị Hư trình bày: Chị xác định có nhờ bà H kêu anh Đ cày đất để sản xuất nông nghiệp, chị không có trực tiếp ký hợp đồng với anh Đ, mọi giao dịch hợp đồng do bà H đứng ra ký kết, sau khi anh Đ cày đất xong thì chị tính tiền với bà H, phần tiền cày của chị đưa bà chị Ha trả cho anh Đ hiện nay chị còn thiếu 32.000.000 đồng. Nay anh Đ khởi kiện bà H đòi số tiền cày còn thiếu 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) thì bà H có trách nhiệm trả cho anh Đ, số tiền cày của chị còn thiếu lại 32.000.000 đồng chị có trách nhiệm trả cho bà H.

Anh Nguyễn Hữu L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Trần Văn Đ đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ chối quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án này theo quy định tại điều 70, 72, 73, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ đối với bà Trần Thị H về tranh chấp "Hợp đồng thuê khoán tài sản". Buộc bà Trần Thị H trả cho anh Trần Văn Đ số tiền còn nợ 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng). Ghi nhận anh Đ không yêu cầu tính lãi suất.

Án phí DSST: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và các chứng cứ, kết quả tranh tụng phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị H, chị Trần Thị Hư, anh Nguyễn Hữu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bà H, chị Hư, anh L vắng mặt không có lý do, áp dụng Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, chị Hư, anh L là đúng theo quy định của pháp luật. Bà H, chị Hư, anh L không thực hiện quyền nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 72, 73, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ đối với bà Trần Thị H thấy rằng: Do quen biết nên giữa anh Đ và bà H có hợp đồng miệng với nhau về việc anh Đ cày đất và phóng mè cho bà H, mọi giao dịch là giữa bà H với anh Đ, bà H cũng thừa nhận số tiền cày đất còn nợ 190.000.000 đồng và ký giấy nhận nợ ngày 10/5/2016 giao cho anh Đ nhưng bà chỉ thừa nhận có thiếu anh Đ 91.500.000 đồng (chín mươi mốt triệu năm trăm đồng), số tiền còn lại là chị Trần Thị Hư còn nợ 32.500.000 đồng và anh Nguyễn Hữu L còn nợ 66.000.000 đồng nên chị Hư, anh L có trách nhiệm trả cho anh Đ cho nên bà không đồng ý theo yêu cầu của anh Đ. Tuy nhiên trong biên bản hòa giải ngày 10/5/2018 bà H thừa nhận còn nợ anh Đ số tiền 190.000.000 đồng, đồng ý trả cho anh Đ, mặc khác trong quá trình giải quyết vụ án bà H không cung cấp được các chứng cứ chứng minh các khoản nợ trên có phần nợ của chị Hư, anh L nợ của anh Đ. Quá trình giải quyết chị Hư không thừa nhận có giao dịch hợp đồng cày đất với anh Đ cho nên lời trình bày của bà H không có cơ sở do đó về số tiền cày đất chị Hư, anh L nợ bà H được quyền yêu cầu chị Hư, anh L có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà bằng một vụ kiện khác khi bà H có yêu cầu. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ đối với bà H, buộc bà Trần Thị H trả cho anh Trần Văn Đ số tiền còn thiếu 190.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Án phí DSST: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 501; 506 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ đối với bà Trần Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản".

Buộc bà Trần Thị H trả cho anh Trần Văn Đ số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng). Ghi nhận anh Đ không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm ngàn đồng)

Anh Trần Văn Đ không phải chịu tiền án phí. Chi Cục Thi hành án Dân sự Huyện D hoàn trả cho anh Trần Văn Đ số tiền án phí đã tạm nộp 4.750.000 đồng theo biên lai thu số 0010224 ngày 28 tháng 02 năm 2018

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- CC THA DS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu án, lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hà Chí Quốc